TÁC ĐỘNG CỦA XÃ HỘI HÓA GIÁO DỤC ĐẠI HỌC ĐẾN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG

NGUYỄN QUANG SÁNG*
NGUYỄN QUANG ĐỨC**
ĐÀO THANH THÁI***

Xã hội hóa giáo dục đại học đang làm thay đổi sâu sắc phương thức quản trị hệ thống giáo dục đại học; đồng thời, cũng đang đặt ra những yêu cầu mới đối với quản lý nhà nước về kiểm định chất lượng. Bài viết tập trung phân tích sự chuyển dịch của quản lý nhà nước đối với kiểm định chất lượng giáo dục đại học dưới tác động của quá trình xã hội hóa; đồng thời, đề xuất một số hàm ý nhằm hoàn thiện quản lý nhà nước đối với kiểm định chất lượng giáo dục đại học theo hướng nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, bảo đảm lợi ích công, đáp ứng yêu cầu tự chủ đại học, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế theo định hướng phát triển giáo dục của Đảng.

Từ khóa: *Xã hội hóa giáo dục đại học; kiểm định chất lượng; quản lý nhà nước; giáo dục đại học; tự chủ đại học.*

The socialization of higher education is profoundly transforming higher education governance while also creating new requirements for state management of quality accreditation. This article analyzes changes in state management of higher education quality accreditation under the impact of socialization. It also proposes several policy implications to improve state management of higher education quality accreditation, enhance management effectiveness and efficiency, safeguard the public interest, and meet the requirements of university autonomy, digital transformation, and international integration in accordance with the Party's orientation for educational development.

Keywords: *Socialization of higher education; quality accreditation; state management; higher education; university autonomy.*

NGÀY NHẬN: 15/4/2026 NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 18/8/2026 NGÀY DUYỆT ĐĂNG: 18/11/2026

Email: nguyenquangsang@hvtc.edu.vn; ducdav8472@gmail.com; daothanhthai@hvtc.edu.vn

DOI: https://doi.org/10.59394/qlnn.372.2026.1700

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh xã hội hóa giáo dục đại học, yêu cầu bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo ngày càng trở nên cấp thiết, trong khi quản lý nhà nước (QLNN) chuyển mạnh từ kiểm soát hành chính trực tiếp sang quản lý bằng pháp luật, tiêu chuẩn, kiểm định và trách nhiệm giải trình. Theo đó, kiểm định chất lượng giáo dục đại học trở thành

* *TS, Học viện Tài chính*
** *Sinh viên Học viện Ngoại giao*
*** *TS, Học viện Tài chính*

công cụ quan trọng để Nhà nước bảo đảm chất lượng và điều tiết sự phát triển của hệ thống giáo dục đại học.

Tuy nhiên, xã hội hóa giáo dục đại học cũng làm gia tăng những yêu cầu mới đối với QLNN về kiểm định chất lượng, nhất là trong việc cân bằng giữa mở rộng quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục đại học với bảo đảm chất lượng và lợi ích công. Đại hội XIV của Đảng tiếp tục đặt ra yêu cầu đổi mới QLNN về giáo dục, tăng cường tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình và bảo đảm chất lượng. Điều này cho thấy, việc nghiên cứu tác động của xã hội hóa giáo dục đại học đối với QLNN về kiểm định chất lượng có ý nghĩa thiết thực trong bối cảnh hiện nay.

2. Kiểm định chất lượng và quản lý nhà nước về kiểm định chất lượng giáo dục đại học hiện nay

Xã hội hóa làm thay đổi đáng kể cấu trúc và phương thức vận hành của giáo dục đại học. Sự tham gia ngày càng rộng của các chủ thể ngoài nhà nước, đa dạng hóa nguồn lực đầu tư, loại hình cơ sở giáo dục và phương thức đào tạo vừa tạo thêm động lực phát triển, vừa làm gia tăng nguy cơ phân hóa chất lượng và bất đối xứng thông tin giữa cơ sở đào tạo, người học và xã hội. Trong bối cảnh đó, kiểm định chất lượng trở thành công cụ quan trọng để thiết lập chuẩn mực chung, cung cấp thông tin đáng tin cậy và tạo cơ sở cho việc đánh giá, so sánh và giám sát chất lượng giáo dục đại học (OECD, 2019).

Giữa xã hội hóa và kiểm định chất lượng có mối quan hệ hai chiều. *Một mặt,* xã hội hóa cùng với mở rộng tự chủ làm giảm tính phù hợp của phương thức quản lý chất lượng dựa chủ yếu vào can thiệp hành chính trực tiếp, từ đó đặt ra yêu cầu quản lý bằng tiêu chuẩn, kết quả và trách nhiệm giải trình. *Mặt khác,* một hệ thống kiểm định độc lập, khách quan và minh bạch lại là điều kiện để xã hội hóa phát triển theo hướng lành mạnh, hạn chế nguy cơ chạy theo quy mô và lợi ích kinh tế mà xem nhẹ chất lượng. Kiểm định trở thành cơ chế để cân bằng giữa quyền tự chủ của cơ sở giáo dục, sự tham gia của nguồn lực xã hội và trách nhiệm của Nhà nước trong bảo đảm chất lượng giáo dục đại học như một lợi ích công. Chính sự thay đổi này đặt ra yêu cầu đổi mới QLNN đối với hoạt động kiểm định.

Cách tiếp cận này đã được thể chế hóa trong pháp luật giáo dục đại học Việt Nam. *Luật Giáo dục đại học* năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2018), xác lập các nguyên tắc độc lập, khách quan, công khai, minh bạch, bắt buộc và định kỳ trong kiểm định; đồng thời, phân định trách nhiệm giữa cơ sở giáo dục, tổ chức kiểm định và cơ quan QLNN (Quốc hội, 2012, 2018). Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ và các quy định chuyên ngành tiếp tục cụ thể hóa cơ chế quản lý, công nhận và giám sát các tổ chức kiểm định (Chính phủ, 2019). Đến nay, khuôn khổ này tiếp tục được đổi mới theo *Luật Giáo dục đại học* năm 2025 và các quy định mới về kiểm định chất lượng, phản ánh yêu cầu thích ứng của QLNN trước sự phát triển của tự chủ, xã hội hóa và hội nhập quốc tế.

Như vậy, xã hội hóa không làm giảm vai trò của Nhà nước đối với chất lượng giáo dục đại học mà làm thay đổi cách thức Nhà nước thực hiện vai trò đó. Khi quyền tự chủ và sự tham gia của các chủ thể xã hội được mở rộng, Nhà nước cần nâng cao năng lực kiến tạo thể chế, thiết lập chuẩn mực, bảo đảm tính độc lập của kiểm định, giám sát dựa trên dữ liệu và gắn kết quả kiểm định với trách nhiệm giải trình. Trong mối quan hệ này, kiểm định chất lượng trở thành cầu nối giữa tự chủ - xã hội hóa - trách nhiệm giải trình; đồng thời, là một trong những công cụ quan trọng để Nhà nước điều tiết chất lượng của hệ thống giáo dục đại học trong bối cảnh mới.

3. Tác động của xã hội hóa giáo dục đại học đến quản lý nhà nước đối với kiểm định chất lượng

Thứ nhất, tác động của xã hội hóa đến đối tượng và phạm vi QLNN. Xã hội hóa giáo dục đại học làm mở rộng đáng kể đối tượng QLNN đối với kiểm định chất lượng. Theo đó, hệ thống giáo dục đại học bao gồm: cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập, cơ sở có vốn đầu tư nước ngoài, các chương trình liên kết đào tạo quốc tế và các chương trình đào tạo triển khai theo đặt hàng của doanh nghiệp. Sự đa dạng này làm gia tăng số lượng và tính chất phức tạp của các đối tượng phải tham gia kiểm định chất lượng, qua đó, đặt ra yêu cầu mới đối với QLNN trong việc bảo đảm áp dụng thống nhất các chuẩn mực chất lượng trong toàn hệ thống (OECD, 2020). *Luật Giáo dục đại học* năm 2025 đã thể hiện rõ sự mở rộng này khi quy định kiểm định chất lượng là yêu cầu bắt buộc đối với cơ sở giáo dục đại học và chương trình đào tạo, không phân biệt loại hình sở hữu hay nguồn lực đầu tư. Điều này khẳng định trách nhiệm QLNN đối với toàn bộ hệ thống giáo dục đại học trong bối cảnh xã hội hóa ngày càng sâu rộng.

Xã hội hóa và mở rộng tự chủ đại học làm thay đổi phạm vi QLNN từ can thiệp trực tiếp vào hoạt động của cơ sở giáo dục sang quản lý thông qua thể chế, chuẩn chất lượng, kiểm định và trách nhiệm giải trình. Theo đó, Nhà nước tập trung thiết lập chuẩn mực, giám sát hệ thống kiểm định và sử dụng kết quả chất lượng làm căn cứ quản lý, trong khi cơ sở giáo dục được mở rộng quyền tự chủ nhưng phải chịu trách nhiệm tương ứng về kết quả hoạt động. Sự chuyển dịch này phản ánh xu hướng quản lý từ kiểm soát đầu vào sang quản lý dựa trên chuẩn mực và kết quả, phù hợp với yêu cầu tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình trong giáo dục đại học (Nguyễn Minh Thuyết, 2020).

Xã hội hóa giáo dục đại học làm gia tăng phạm vi QLNN đối với các chủ thể trung gian trong hoạt động kiểm định chất lượng, đặc biệt là các tổ chức kiểm định. Nghị định số 99/2019/NĐ-CP đã cụ thể hóa nội dung này khi quy định rõ trách nhiệm của cơ quan QLNN trong việc quản lý hoạt động của các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đại học; đồng thời, yêu cầu QLNN đối với trách nhiệm giải trình và minh bạch thông tin về chất lượng giáo dục đại học. Vì vậy, phạm vi QLNN được mở rộng sang việc bảo đảm công khai, minh bạch thông tin kiểm định, qua đó tăng cường giám sát xã hội và bảo vệ quyền lợi của người học (OECD, 2020).

Thứ hai, tác động của xã hội hóa đến phương thức QLNN về kiểm định chất lượng. Xã hội hóa giáo dục đại học thúc đẩy sự chuyển dịch phương thức QLNN từ kiểm soát đầu vào và can thiệp hành chính trực tiếp sang quản lý dựa trên tiêu chuẩn, kiểm định và hậu kiểm. Khi các cơ sở giáo dục đại học được mở rộng quyền tự chủ về học thuật, tổ chức và tài chính, Nhà nước không còn quản lý chất lượng chủ yếu bằng việc phê duyệt từng hoạt động cụ thể mà chuyển sang thiết lập chuẩn chất lượng, quy định trách nhiệm bảo đảm chất lượng, yêu cầu kiểm định định kỳ và sử dụng kết quả kiểm định để giám sát, điều tiết hệ thống. Theo đó, mở rộng tự chủ phải gắn với trách nhiệm bảo đảm chất lượng và giải trình của cơ sở giáo dục.

Mặt khác, sự đa dạng về loại hình cơ sở giáo dục, chương trình và phương thức đào tạo đòi hỏi QLNN phải linh hoạt và thích ứng hơn. Các tiêu chuẩn và phương thức giám sát cần được thường xuyên rà soát, cập nhật; kết quả kiểm định cũng phải gắn với hậu kiểm và trách nhiệm giải trình nhằm hạn chế nguy cơ chạy theo quy mô hoặc lợi ích kinh tế làm suy giảm chất lượng.

Thứ ba, tác động của xã hội hóa đến vai trò và trách nhiệm của Nhà nước trong kiểm định chất lượng. Xã hội hóa giáo dục đại học làm tái định hình vai trò của Nhà nước từ chủ thể trực tiếp kiểm soát sang chủ thể kiến tạo thể chế, thiết lập chuẩn mực và bảo đảm trật tự chất lượng của toàn hệ thống. Sự

chuyển dịch này được thể hiện trong *Luật Giáo dục đại học* năm 2025, khi Nhà nước không trực tiếp thực hiện kiểm định mà tập trung xây dựng tiêu chuẩn, công nhận và giám sát các tổ chức kiểm định. Cách tiếp cận này cũng phù hợp với định hướng của Đại hội XIV của Đảng về xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại, hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với hoàn thiện thể chế và tăng cường kiểm tra, giám sát. Theo đó, đòi hỏi Nhà nước nâng cao năng lực điều tiết thông qua pháp luật, tiêu chuẩn, dữ liệu và kết quả kiểm định.

Xã hội hóa làm gia tăng trách nhiệm của Nhà nước trong bảo đảm tính độc lập, khách quan và độ tin cậy của kiểm định. Khi hoạt động này được thực hiện bởi các tổ chức độc lập và có sự tham gia ngày càng rộng của các chủ thể ngoài nhà nước, nguy cơ xung đột lợi ích và thương mại hóa có thể phát sinh. Vì vậy, Nhà nước phải thiết lập cơ chế công nhận, giám sát và kiểm soát xung đột lợi ích nhằm bảo đảm tính liêm chính của hệ thống (UNESCO, 2017). Nghị định số 99/2019/NĐ-CP đã cụ thể hóa trách nhiệm này thông qua các quy định về quản lý và giám sát tổ chức kiểm định. Vấn đề đặt ra là giám sát phải đủ mạnh để bảo đảm độ tin cậy nhưng không làm suy giảm tính độc lập chuyên môn của hoạt động kiểm định.

Bên cạnh đó, xã hội hóa làm mở rộng trách nhiệm giải trình của Nhà nước trước xã hội về chất lượng giáo dục đại học. Sự đa dạng về loại hình cơ sở, nguồn lực đầu tư và phương thức đào tạo tạo thêm lựa chọn nhưng cũng làm gia tăng bất đối xứng thông tin đối với người học. Vì vậy, kết quả kiểm định cần trở thành nguồn thông tin đáng tin cậy phục vụ cả quản lý và giám sát xã hội. Điều này đòi hỏi Nhà nước tăng cường công khai, minh bạch thông tin và sử dụng kết quả kiểm định nhất quán trong các quyết định quản lý. Trách nhiệm giải trình do đó không chỉ thuộc về cơ sở giáo dục và tổ chức kiểm định mà còn đặt ra đối với chính cơ quan QLNN trong việc bảo đảm hiệu lực của hệ thống kiểm định.

4. Những vấn đề đặt ra

Một là, về bảo đảm tính thống nhất và hiệu lực của QLNN trong bối cảnh hệ thống kiểm định ngày càng đa dạng. *Luật Giáo dục đại học* năm 2025 đã xác lập nguyên tắc quản lý thống nhất của Nhà nước đối với bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học, không phân biệt loại hình sở hữu của cơ sở giáo dục. Tuy nhiên, trong thực tiễn xã hội hóa, sự gia tăng nhanh chóng của các cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập, các chương trình liên kết đào tạo và các tổ chức kiểm định độc lập đã làm cho việc bảo đảm áp dụng đồng bộ các chuẩn mực chất lượng trở nên phức tạp hơn. QLNN đứng trước thách thức làm thế nào để duy trì tính thống nhất của chuẩn mực và kỷ cương chất lượng, trong khi vẫn tôn trọng sự đa dạng và tính linh hoạt vốn có của hệ thống giáo dục đại học đa chủ thể (UNESCO, 2017).

Hai là, sự cân bằng giữa QLNN và tính độc lập của hoạt động kiểm định. Xã hội hóa giáo dục đại học đòi hỏi kiểm định chất lượng phải được thực hiện bởi các tổ chức có tính độc lập cao để bảo đảm khách quan và tin cậy. Tuy nhiên, khi các tổ chức kiểm định hoạt động trong môi trường có yếu tố thị trường, nguy cơ thương mại hóa kiểm định và xung đột lợi ích là điều không thể bỏ qua. QLNN phải đối mặt với bài toán khó: tăng cường giám sát để bảo đảm liêm chính của kiểm định nhưng không làm suy giảm tính độc lập - vốn là nền tảng của giá trị kiểm định. Nghị định số 99/2019/NĐ-CP đã xác lập cơ sở pháp lý cho việc quản lý và giám sát các tổ chức kiểm định; tuy nhiên, mức độ đáp ứng của các cơ chế này trước yêu cầu bảo đảm tính độc lập, khách quan và phòng ngừa xung đột lợi ích vẫn cần tiếp tục được theo dõi, đánh giá và hoàn thiện.

Ba là, vấn đề gắn kết giữa kiểm định chất lượng và trách nhiệm giải trình trong QLNN.

Việc gắn kết quả kiểm định với các quyết định QLNN yêu cầu cần tiếp tục được đánh giá và hoàn thiện; cơ chế công khai, minh bạch thông tin kiểm định giữa các chủ thể chưa thật sự đồng bộ, trong khi khả năng tham gia giám sát của xã hội còn phụ thuộc nhiều vào mức độ đầy đủ, dễ tiếp cận và tin cậy của thông tin được công bố. Điều này yêu cầu làm rõ hơn trách nhiệm của Nhà nước trong việc phát huy giá trị quản lý và giá trị xã hội của kết quả kiểm định.

Bốn là, năng lực QLNN trong bối cảnh phương thức quản lý chuyển mạnh sang gián tiếp. Xã hội hóa giáo dục đại học khiến QLNN về kiểm định chất lượng không còn dựa chủ yếu vào mệnh lệnh hành chính mà phụ thuộc nhiều hơn vào năng lực thiết kế chính sách, xây dựng chuẩn mực, tổ chức giám sát và phân tích thông tin. Điều này đòi hỏi đội ngũ cán bộ QLNN phải có hiểu biết sâu về bảo đảm chất lượng, kiểm định và quản trị giáo dục đại học hiện đại. Sự chuyển đổi nhanh về phương thức quản lý đặt ra yêu cầu phải tiếp tục đánh giá mức độ thích ứng của bộ máy, chất lượng đội ngũ và năng lực tổ chức thực thi nhằm hạn chế nguy cơ xuất hiện khoảng cách giữa yêu cầu chính sách và khả năng triển khai trong thực tiễn.

Năm là, điều chỉnh khung pháp lý để theo kịp thực tiễn xã hội hóa và hội nhập. Mặc dù *Luật Giáo dục đại học* năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành đã hình thành nền tảng pháp lý cho QLNN về kiểm định chất lượng, song thực tiễn xã hội hóa giáo dục đại học đang vận động nhanh, với sự xuất hiện của các mô hình đào tạo mới, hình thức liên kết mới và yêu cầu hội nhập quốc tế ngày càng sâu. Điều này đặt ra yêu cầu QLNN không chỉ dừng ở việc "ban hành và áp dụng" pháp luật mà còn phải thường xuyên rà soát, điều chỉnh và cập nhật khung pháp lý để bảo đảm tính phù hợp và khả thi của QLNN đối với kiểm định chất lượng.

Sáu là, vấn đề nhận diện và điều chỉnh những biểu hiện sai lệch trong thực hiện xã hội hóa giáo dục đại học. Đối với giáo dục đại học, sai lệch có thể xuất hiện khi xã hội hóa bị giản lược thành giảm đầu tư công, tăng đóng góp của người học hoặc mở rộng sự tham gia của khu vực ngoài công lập mà chưa gắn chặt với chuẩn mực chất lượng, trách nhiệm giải trình và công bằng trong tiếp cận giáo dục. Vấn đề đặt ra đối với QLNN là phải sử dụng kiểm định như một công cụ nhận diện, cảnh báo và điều chỉnh những sai lệch của quá trình xã hội hóa; đồng thời, bảo đảm việc huy động nguồn lực xã hội không làm suy giảm trách nhiệm đầu tư, điều tiết và bảo vệ lợi ích công của Nhà nước.

5. Một số hàm ý

Thứ nhất, bảo đảm lợi ích công và chuẩn chất lượng thống nhất trong toàn hệ thống. Trong điều kiện xã hội hóa, sự đa dạng về loại hình sở hữu, nguồn lực đầu tư và phương thức đào tạo không làm thay đổi trách nhiệm của Nhà nước đối với chất lượng giáo dục đại học. QLNN cần bảo đảm mọi cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo chịu sự điều chỉnh bởi các chuẩn mực chất lượng thống nhất, qua đó bảo vệ quyền lợi người học, duy trì niềm tin xã hội và hạn chế nguy cơ thương mại hóa làm suy giảm chất lượng.

Thứ hai, chuyển từ quản lý trực tiếp sang quản lý hệ thống dựa trên chuẩn mực và giám sát. Khi quyền tự chủ của cơ sở giáo dục và vai trò của các tổ chức kiểm định ngày càng mở rộng, Nhà nước cần giảm can thiệp vào hoạt động chuyên môn, tập trung vào xây dựng thể chế, xác lập chuẩn chất lượng và giám sát việc tuân thủ. Đồng thời, cần bảo đảm tính độc lập và liêm chính của tổ chức kiểm định thông qua cơ chế công nhận, đánh giá định kỳ và kiểm soát xung đột lợi ích. Đây là điều kiện để xã hội hóa không dẫn đến buông lỏng vai trò quản lý của Nhà nước.

Thứ ba, gắn kết thực chất kiểm định với tự chủ và trách nhiệm giải trình. Kết quả kiểm định cần được sử dụng như một căn cứ trong các quyết định quản lý liên quan đến

mở và duy trì chương trình đào tạo, thực hiện tự chủ, phân bổ nguồn lực và công khai chất lượng. Theo tinh thần Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025, việc mở rộng tự chủ cần đi cùng với nâng cao năng lực quản trị và trách nhiệm giải trình (Bộ Chính trị, 2025). Vì vậy, kiểm định phải trở thành công cụ tạo lập mối quan hệ giữa quyền tự chủ, chất lượng và trách nhiệm của cơ sở giáo dục đối với Nhà nước và xã hội.

Thứ tư, chuyển sang quản lý kiểm định dựa trên dữ liệu và rủi ro. Cần hình thành hệ thống dữ liệu thống nhất về tự đánh giá, đánh giá ngoài, kết quả công nhận, kiểm định viên và thực hiện khuyến nghị sau kiểm định; đồng thời, kết nối với dữ liệu tuyển sinh, đào tạo, việc làm của người tốt nghiệp và phản hồi của các bên liên quan. Dữ liệu này là cơ sở để Nhà nước chuyển từ quản lý chủ yếu bằng hồ sơ, báo cáo sang giám sát liên tục, nhận diện sớm rủi ro chất lượng và thực hiện hậu kiểm có trọng tâm.

Thứ năm, nâng cao khả năng thích ứng của QLNN trước xã hội hóa và hội nhập quốc tế. Sự xuất hiện của các mô hình đào tạo mới, liên kết quốc tế, kiểm định xuyên biên giới và yêu cầu công nhận lẫn nhau, đòi hỏi chính sách kiểm định phải được rà soát và điều chỉnh thường xuyên. Trọng tâm là nâng cao khả năng thích ứng của thể chế, tiếp cận có chọn lọc các chuẩn mực quốc tế và duy trì năng lực điều tiết của Nhà nước trước những biến đổi của giáo dục đại học.

Như vậy, QLNN về kiểm định chất lượng giáo dục đại học trong điều kiện xã hội hóa cần được đổi mới theo hướng giảm can thiệp trực tiếp nhưng tăng năng lực kiến tạo thể chế, thiết lập chuẩn mực, giám sát dựa trên dữ liệu và bảo đảm trách nhiệm giải trình. Sự chuyển đổi này vừa tạo không gian cho tự chủ và sự tham gia của xã hội, vừa bảo đảm Nhà nước giữ được vai trò điều tiết chất lượng và bảo vệ lợi ích công trong hệ thống giáo dục đại học ngày càng đa dạng.

6. Kết luận

Việc làm rõ những vấn đề về QLNN đối với kiểm định chất lượng giáo dục đại học không chỉ có ý nghĩa về mặt học thuật mà còn góp phần cung cấp cơ sở khoa học cho quá trình hoàn thiện QLNN về giáo dục đại học ở Việt Nam. Thực hiện các nghị quyết của Đảng, yêu cầu hoàn thiện QLNN đối với kiểm định chất lượng giáo dục đại học cần được đặt trong tổng thể quá trình đổi mới thể chế giáo dục và nâng cao năng lực quản trị quốc gia. Theo đó, kiểm định chất lượng cần phát huy đúng vai trò là công cụ bảo đảm chất lượng, tăng cường trách nhiệm giải trình và điều tiết quá trình xã hội hóa theo hướng bảo vệ lợi ích công. Điều này đòi hỏi tiếp tục xây dựng hệ thống kiểm định độc lập, minh bạch, dựa trên dữ liệu, tiệm cận các chuẩn mực quốc tế, qua đó, nâng cao hiệu lực, hiệu quả QLNN đối với giáo dục đại học trong giai đoạn phát triển mới❐

Tài liệu tham khảo:

Bộ Chính trị (2025). *Nghị quyết số 71-NQ/TW 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.*

Chính phủ (2019). *Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.*

Đảng Cộng sản Việt Nam (2026). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV (Tập I, II).* Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.

Lê Thị Thanh Trang (2022). Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về kiểm định chất lượng giáo dục đại học. *Tạp chí Quản lý nhà nước,* số 321 (10/2022).

Nguyễn Minh Thuyết (2020). *Tự chủ đại học và trách nhiệm giải trình.* Nxb Giáo dục.

OECD (2019). *Benchmarking Higher Education System Performance.* OECD Publishing, Paris.

OECD (2020). *Resourcing Higher Education: Challenges, Choices and Consequences.* OECD Publishing, Paris.

Quốc hội (2012, 2018, 2025). *Luật Giáo dục đại học* năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2018, 2025).

UNESCO (2017). *Quality Assurance in Higher Education: A Global Perspective.*